Năng lực thẩm định thông tin trên mạng của sinh viên Việt Nam trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch hiện nay

Vietnamese students' online information verification competence in defending the ideological foundation of the Communist Party of Vietnam and countering hostile and wrong viewpoints today

TS. LỮ ĐĂNG NHẠC
Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: nhacld@gmail.com

Ngày nhận bài: 13/9/2026 Ngày phản biện: 23/9/2026 Ngày chấp nhận đăng: 20/10/2026
Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị

Tóm tắt: *Sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo đã làm biến đổi sâu sắc không gian mạng, đặt ra thách thức đối với sinh viên Việt Nam trước vấn nạn tin giả và thao túng thông tin. Bài viết ứng dụng Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) và mô hình cấu trúc tuyến tính (PLS - SEM) để phân tích cơ chế hình thành năng lực thẩm định thông tin và hành vi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam dựa trên đề xuất 18 tiêu chí quan sát nhằm định lượng, đánh giá hành vi đấu tranh của sinh viên đối trước những thông tin xấu độc hại trên không gian mạng.*
Từ khóa: *bảo vệ nền tảng tư tưởng; công cụ xác thực thông tin; không gian mạng; sinh viên; tin giả.*

Abstract: *The rapid development of artificial intelligence (AI) has profoundly transformed cyberspace, posing challenges for Vietnamese students in addressing fake news and information manipulation. Applying the Theory of Planned Behavior (TPB) and partial least squares structural equation modeling (PLS-SEM), this article analyzes the mechanisms underlying the development of information verification competence and students' engagement in defending the ideological foundation of the Communist Party of Vietnam. It proposes 18 observable indicators to quantify and assess students' responses to harmful and malicious information in cyberspace.*
Keywords: *defending the ideological foundation; information verification tools; cyberspace; students, fake news.*

1. Đặt vấn đề

Một số hướng nghiên cứu cơ bản về thẩm định thông tin và tin giả trong kỷ nguyên số hiện nay về tin giả đơn thuần "fake news" và "rối loạn thông tin" dưới sự tác động của AI như: Nghiên cứu tâm lý nhận thức và hành vi xác thực - thể hiện ở sự không thúc đẩy nhận thức, ý thức đối với thông tin đang tiếp cận. Người dùng thường dựa vào tư duy trực giác, tự động thay vì tư duy phân tích, đòi hỏi nhiều nỗ lực cá nhân dẫn đến hậu quả là họ chấp nhận và chia sẻ thông tin mà không cần phân tích tính xác thực. Đồng thời, người dùng mạng xã hội thường có thiên kiến xác nhận đó là họ có xu hướng ưu tiên chú ý, tin tưởng và chia sẻ những nội dung phù hợp với niềm tin, quan điểm hoặc cảm xúc sẵn có của họ. Khi đứng giữa niềm tin và hành vi chia sẻ thông tin,

các nhà nghiên cứu (Pennycook & Rand, 2021) phát hiện ra rằng ngay cả khi người dùng không hoàn toàn tin tưởng vào một thông tin, họ vẫn có khả năng chia sẻ nó nếu tiêu đề đủ hấp dẫn hoặc khơi gợi cảm xúc mạnh. Yếu tố "tạo sự chú ý" của thông tin đóng vai trò quyết định trong việc chia sẻ, vượt qua cả yếu tố thiên kiến chính trị.

Nghiên cứu về khung năng lực số trên thế giới hiện nay như khung tham chiếu năng lực số của Unesco, khung năng lực số của châu âu Digcomp (Mai Anh Thơ et al., 2021) và khung năng lực số của Việt Nam được ban hành năm 2025 đã trang bị cho người dùng không chỉ có kiến thức số, kỹ năng tạo ra thông tin mà còn thẩm định, đánh giá tính an toàn, toàn vẹn thông tin. Giúp họ hình thành thói quen chuyển từ phương pháp "đọc dọc" (đọc từ trên xuống dưới một trang web để tìm bộ nhận diện trực quan) sang "đọc ngang", tức là chủ động mở các trang mới khác để đối sánh, kiểm tra chéo nguồn tin, sử dụng các công cụ tìm kiếm ngược và phân tích siêu dữ liệu để bóc tách tính nguyên bản của dữ liệu số, tìm ra tính chân thực của dữ liệu. Do đó, kiến thức và kỹ năng này thực sự cần thiết và quan trọng đối sinh viên trong bối cảnh bùng nổ thông tin hiện nay. Bên cạnh đó các nghiên cứu về giải pháp công nghệ tập trung vào chuẩn hóa các quy trình kiểm tra tính xác thực tự động bằng AI để đối phó với vấn nạn thông tin xuyên tạc trong các sự kiện chính trị. Các tác giả (Beaudreau & Ségur, 2025) khẳng định việc trang bị công cụ kiểm chứng kỹ thuật cho công dân là giải pháp căn cơ để bảo vệ tính toàn vẹn của thông tin quốc gia trong môi trường số.

Hiện nay, Nghị quyết số 35 - NQ/TW về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới đã đạt được nhiều kết quả, trong đó các nghiên cứu hiện nay về vai trò của sinh viên chủ yếu mang tính định tính của tác giả Thanh Hòa (Thanh Hòa, 2021), hay tác giả Hoàng Thị Ngọc Hà và cộng sự (Ngoc & Quang, n.d.) sử dụng phương pháp thống kê mô tả để rút rút ra hiệu quả của các hình thức truyền thông đang được triển khai. Tuy nhiên, các nghiên cứu này thể hiện ở mức sử dụng phương pháp thống kê đơn thuần. Do đó, tác giả lựa chọn phương pháp nghiên cứu định lượng dựa trên xây dựng mô hình định lượng (SEM) đo lường mối quan hệ giữa năng lực kỹ thuật số nhằm thẩm định thông tin và nhận thức chính trị có ý nghĩa nghiên cứu thực tiễn trong bối cảnh hiện nay. Từ đó, bài viết đặt ra hai câu hỏi nghiên cứu: Những nhân tố nào ảnh hưởng đến năng lực thẩm định thông tin và ý thức trách nhiệm của sinh viên trên không gian mạng? và Mức độ tác động của các kỹ năng kiểm chứng kỹ thuật đối với hành vi phản bác quan điểm sai trái thù địch như thế nào?

Tác giả sử dụng nghiên cứu về thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) của tác giả (Ajzen, 1991a) nhằm xây dựng các nhân tố tác động đến hành vi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng. Trong lý thuyết này, hành vi có kế hoạch được thiết kế để dự đoán và giải thích hành vi của con người trong các bối cảnh cụ thể. Đây là một mô hình lý thuyết giúp hiểu rõ các quá trình tâm lý điều chỉnh sự tự kiểm soát hành vi. Trước khi thực hiện hành vi thì hành vi bị chi phối bởi ý định hành vi (là yếu tố trung tâm của thuyết), ý định thể hiện mức độ sẵn sàng, nỗ lực và kế hoạch mà một người dự định bỏ ra để thực hiện hành vi. Ý định càng mạnh thì khả năng hành vi được thực hiện càng cao, quyết định bởi ba yếu tố: (1) Thái độ đối với hành vi: Là mức độ đánh giá thuận lợi hay không thuận lợi của cá nhân đối với việc thực hiện hành vi đó. (2) Chuẩn chủ quan: Là áp lực xã hội cảm nhận được từ những người xung quanh về việc nên hay không nên thực hiện hành vi. (3) Kiểm soát hành vi cảm nhận được: Là nhận thức về mức độ dễ hay khó khi thực hiện hành vi, dựa trên kinh nghiệm quá khứ và các trở ngại dự kiến. Do đó, để hình thành nên ý định về hành vi cần quan tâm đến các yếu tố cấu thành trên(Ajzen, 1991b).

Từ lý thuyết nghiên cứu trên tác giả đề xuất mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) được xây dựng với 06 nhân tố, bao gồm 3 biến độc lập: Kiến thức chính trị (KTCT), Kỹ năng sử dụng công cụ xác thực (KNLS), Môi trường giáo dục (MTGD); 2 biến trung gian là Ý thức trách nhiệm (YTTN), Nhận thức về thủ đoạn thù địch (NTTD); và 1 biến phụ thuộc là Hành vi tham gia bảo vệ nền tảng tư tưởng (HVBV). Để một sinh viên thực hiện Hành vi bảo

vệ nền tảng tư tưởng (HVBV), họ cần có Ý thức trách nhiệm (YTTN) (tương đương Ý định hành vi trong TPB) về vấn đề này. Để có ý thức trách nhiệm đúng đắn cần có thái độ và nhận thức kiểm soát hành vi. Để có thái độ đúng đắn dẫn đến ý thức này, sinh viên phải có nền tảng nhận thức vững chắc hình thành từ Kiến thức chính trị (KTCT) và Nhận thức về thủ đoạn thù địch (NTTD). Đồng thời, Môi trường giáo dục (MTGD) và Năng lực số (KNLS) có tác động ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên. Nếu sinh viên có lòng yêu nước nhưng thiếu kỹ năng kỹ thuật và môi trường, họ sẽ rơi vào trạng thái "bất lực nhận thức". Trong đó:

Nhân tố Kiến thức chính trị (KTCT), là kiến thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhân tố này thể hiện sức đề kháng trên mạng không chỉ đến từ việc thạo công nghệ, mà gốc rễ phải đến từ sự am hiểu cương lĩnh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, đại diện cho thành phần Nhận thức (Cognition) hình thành nên Thái độ trong TPB. Tác giả đề xuất các quan sát cho nhân tố này gồm 3 nội dung: Nền tảng tư tưởng cốt lõi (Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM); (2) Chủ trương, chính sách hiện hành; (3) Bối cảnh lịch sử. Đo lường 3 khía cạnh này nhằm đánh giá "sức đề kháng" cơ bản của sinh viên.

Nhân tố khung năng lực số (KNLS), dựa trên nội dung khung năng lực số của Việt Nam 2025 nhằm làm rõ vấn đề, khi sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng trong khung năng lực số sẽ thúc đẩy hành vi phản bác trực diện, thay vì chỉ phòng ngự thụ động. Nhân tố này đóng vai trò là nhận thức kiểm soát hành vi của lý thuyết TPB. Để kiểm chứng thông tin với các loại dữ liệu chính trên mạng. Tác giả đề xuất 03 quan sát gồm: (1) Kiểm chứng văn bản ("đọc ngang"); (2) Kiểm chứng hình ảnh/video (Reverse Image); (3) Kiểm chứng nguồn phát/tài khoản (Metadata/bot). Cấu trúc 3 biến này được sử dụng để đo lường năng lực số cùng với các thao tác của sinh viên trên không gian mạng.

Nhân tố "Môi trường giáo dục và quản lý" (MTGD) là môi trường mà sinh viên học tập, được sử dụng để đo lường tác động của hoạt động đào tạo, bồi dưỡng của nhà trường cũng như các buổi sinh hoạt chính trị của các tổ chức đoàn, hội mà sinh viên tham gia. Các quan sát đối với nhân tố này là: (1) Nhà trường (thể chế quản lý); (2) Tổ chức đoàn/hội (thiết chế chính trị - phong trào); (3) Giảng viên (người định hướng học thuật). Đo lường 3 chủ thể này là đã bao gồm các tác nhân giáo dục ảnh hưởng trực tiếp đến sinh viên.

Nhân tố "Nhận thức về thủ đoạn thù địch" (NTTD), là cơ sở để nhận thức, hình thành ý thức và thực hiện hành vi đúng đắn. Nhằm đo lường riêng biệt về năng lực "nhận diện thủ đoạn" để đánh giá mức độ nhạy bén chính trị của sinh viên trước các kỹ thuật thao túng thuật toán của các công nghệ hiện đại đưa ra ngày càng tinh vi. Tác giả đề xuất 3 quan sát đối với nhân tố tương ứng với 3 lớp thủ đoạn: (1) Tin giả truyền thống (Fake news); (2) Thao túng tâm lý bằng thuật toán (Buồng vang/Echo chambers); (3) Thao túng công nghệ dựa trên trí tuệ nhân tạo (Deep-fake/AI).

Nhân tố "Ý thức trách nhiệm" (YTTN): Là thành quả của quá trình học tập, rèn luyện tri thức, kỹ năng trong những điều kiện hoàn cảnh cụ thể, qua đó thấy rằng, cá nhân mình cần phải có ý thức trách nhiệm bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, phản bác đấu tranh quan điểm sai trái của các thế lực thù địch. Đây cũng là nhân tố tương ứng trong cấu trúc "Ý định" của thuyết hành vi TPB. Tác giả đề xuất 3 biến đo lường 3 thang bậc của ý định: (1) Nhận thức được đó là trách nhiệm cá nhân; (2) Có dự định/kế hoạch vạch trần; (3) Nhận thức được nghĩa vụ bảo vệ cái chung (Đảng/Nhà nước). Các quan sát này phản ánh sự thôi thúc bên trong trước khi chuyển thành hành động của sinh viên.

Nhân tố Hành vi bảo vệ nền tảng tư tưởng (HVBV) được phân tách với ý thức trách nhiệm (YTTN) giúp giải quyết khoảng trống nghiên cứu mà thực tiễn đặt ra đó là: "Sinh viên có ý thức chính trị tốt (biết đó là tin giả) nhưng lại chọn thái độ im lặng (không báo cáo, không phản bác)". Việc tách rời hai nhân tố này cho phép chạy mô hình SEM để xem xét liệu "Ý thức" có thực sự chuyển hóa thành "Hành động" hay bị cản trở bởi yếu tố nào khác. Kết quả nghiên cứu vấn đề này giúp cho sinh viên và các

nhà nghiên cứu, quản lý có thêm thông tin cụ thể trong nhận thức và các hoạt động tương ứng của mình. Tác giả đề xuất 3 mức độ tương tác trên mạng xã hội từ thụ động đến chủ động gồm: (1) Phản kháng ngầm, an toàn (Report/Báo cáo); (2) Đối kháng gián tiếp (chia sẻ tin chính thống); (3) Trực diện đấu tranh (Bình luận phản bác bằng dữ liệu). Các quan sát này được sử dụng trong đo lường hành vi của sinh viên đấu tranh trên trên không gian mạng trước những tin xấu, độc hại.

Bảng tổng hợp đề xuất 6 nhân tố với 18 biến quan sát cụ thể như sau: (1) Kiến thức chính trị gồm KTCT1 (nắm vững các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), KTCT2 (thường xuyên cập nhật chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước) và KTCT3 (hiểu rõ và tự hào về thành tựu lịch sử của Đảng Cộng sản Việt Nam trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước). (2) Nhận thức thủ đoạn gồm NTTD1 (nhận thức rõ sự nguy hiểm của các thông tin bịa đặt, bóp méo sự thật trên mạng xã hội), NTTD2 (cảnh giác trước sự dẫn dắt thao túng thông tin của "buồng vang thông tin") và NTTD3 (hiểu cách thế lực thù địch dùng Deepfake và AI để ngụy tạo thông tin). (3) Môi trường giáo dục gồm MTGD1 (nhà trường thường xuyên tổ chức hướng dẫn nhận diện tin giả hiệu quả), MTGD2 (các tổ chức Đoàn, Hội đóng vai trò lớn trong định hướng tư tưởng) và MTGD3 (giảng viên thường lồng ghép hướng dẫn tiếp cận nguồn tin chính thống khi dạy). (4) Kỹ năng công cụ gồm KNLS1 (luôn dùng phương pháp "đọc ngang" để đối chiếu thông tin), KNLS2 (thành thạo công cụ tìm kiếm hình ảnh ngược) và KNLS3 (biết cách phân tích cơ bản dữ liệu gốc hoặc robot mạng trước khi tin tưởng). (5) Ý thức trách nhiệm gồm YTTN1 (đấu tranh phản bác quan điểm sai trái là trách nhiệm của bản thân), YTTN2 (luôn đề cao cảnh giác và có ý định sẽ vạch trần tin giả nếu phát hiện) và YTTN3 (nhận thức sâu sắc nghĩa vụ bảo vệ uy tín hình ảnh của Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước Việt Nam). (6) Hành vi bảo vệ gồm HVBV1 (thường xuyên sử dụng tính năng "Báo cáo" đối với nội dung chống phá), HVBV2 (chủ động chia sẻ bài viết chính thống để lan tỏa thông tin tích cực) và HVBV3 (sẵn sàng bình luận phản biện lại quan điểm sai trái bằng dữ liệu chuẩn).

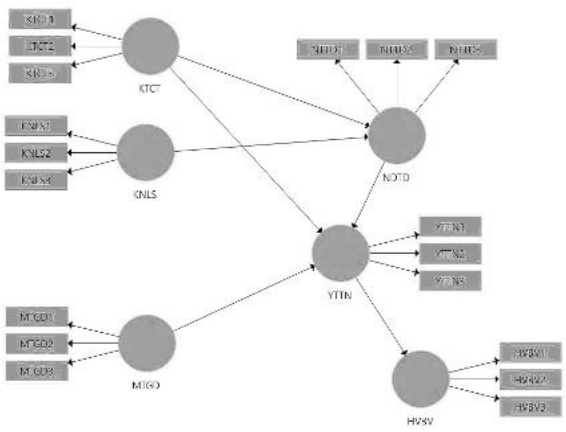
Dựa trên các nhân tố và lý thuyết nghiên cứu trên. Tác giả đề xuất các giả thuyết nghiên cứu: H1, H2: KTCT tác động thuận chiều đến NDTD, YTBV của sinh viên; H3: MTGD tác động thuận chiều đến YTBV; H4, H5: KNLS tác động thuận chiều đến NDTD, YTBV; H6: NDTD tác động thuận chiều đến YTBV; H7: YTBV tác động thuận chiều đến HVBV.

2. Phương pháp nghiên cứu

Dựa trên phương pháp phân tích tài liệu, tác giả đã nghiên cứu lý thuyết hành vi TPB, các công bố có liên quan để kế thừa, xây dựng câu hỏi nghiên cứu, các giả thuyết, mô hình nghiên cứu.

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định lượng để xây dựng các biến tiềm ẩn, quan sát. Từ đó xây dựng bảng hỏi nhằm khảo sát thông tin từ sinh viên đang trong quá trình học tập tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Ngoài các biến về nhân khẩu và kiểm soát, bảng hỏi gồm 18 câu hỏi đối với 6 biến tiềm ẩn.

Dữ liệu được thu thập dựa trên phương pháp khảo sát trực tuyến với 282 sinh viên đang theo học tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Câu hỏi khảo sát được gửi thực hiện theo các kênh truyền thông chính thống của Học viện, đối tượng trả lời câu hỏi ngẫu nhiên thông qua Google Form. Dữ liệu sau khi thu thập được làm sạch, lọc nhiễu, chuẩn hóa. Mô hình được xây dựng và tiến hành phân tích dựa trên ứng dụng SmartPLS 3 được thể hiện ở hình 1 dưới đây:



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

Trên ứng dụng SmartPLS tác giả đánh giá thang đo dựa vào các thông số (Hair et al, 2016), về: Độ tin cậy của biến quan sát (sử dụng hệ số tải ngoài - Outer Loading); Độ nhất quán nội tại/ độ tin cậy thang đo sử dụng chỉ số Cronbach's Alpha; Độ tin cậy tổng hợp CR; Tính hội tụ cho mỗi biến tiềm ẩn AVE. Tính phân biệt HTMT.

Sau khi đánh giá thang đo, tác giả thực hiện đánh giá tác động giữa các biến tiềm ẩn trong mô hình cấu trúc sử dụng kỹ thuật Boostraping dựa trên các thông số: Kiểm định hiện tượng cộng tuyến giữa các biến độc lập dựa vào chỉ số VIF; Đánh giá mức độ giải thích của mô hình đối với các biến phụ thuộc với hệ số R^2; Đánh giá mức độ đóng góp của một biến độc lập vào giá trị R^2 của các biến phụ thuộc dựa vào chỉ số f^2; Kiểm định giả thuyết nghiên cứu thông qua chạy Bootstrapping với độ lớn và ý nghĩa của hệ số đường dẫn (Path Coefficients - β và p - value).

Những giá trị nhận được từ phương pháp thực nghiệm là căn cứ để tác giả đánh giá mô hình nghiên cứu, ý nghĩa của các giả thuyết cũng như trả lời câu hỏi nghiên cứu ban đầu đặt ra.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Đánh giá độ tin cậy và giá trị của thang đo và hiện tượng đa cộng tuyến

Trong mô hình cấu trúc tuyến tính PLS - SEM, chất lượng của mô hình đo lường được thẩm định nghiêm ngặt trước khi phân tích các mối quan hệ nhân quả. Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát sinh viên từ Học viện Báo chí và Tuyên truyền thông qua phần mềm SmartPLS 3 cho thấy các thang đo đều đáp ứng các tiêu chuẩn thống kê, cụ thể:

Về độ tin cậy của biến quan sát, toàn bộ hệ số tải ngoài (Outer Loadings) của các chỉ báo đều vượt xa ngưỡng 0.70 (tương đương với việc cấu trúc giải thích được trên 50% phương sai). Cụ thể, hệ số tải của thang đo Hành vi bảo vệ (HVBV) dao động từ 0.854 đến 0.905; Kỹ năng sử dụng công cụ xác thực (KNLS) từ 0.848 đến 0.855; Kiến thức chính trị (KTCT) từ 0.831 đến 0.850; Môi trường giáo dục (MTGD) từ 0.871 đến 0.878; Nhận thức thủ đoạn (NTTD) từ 0.826 đến 0.841 và Ý thức trách nhiệm (YTTN) từ 0.848 đến 0.898. Tất cả đều đạt mức ý nghĩa thống kê cao ($p < 0.001$), chứng tỏ các biến quan sát phản ánh chính xác cấu trúc tiềm ẩn mà chúng đại diện.

Độ tin cậy nhất quán nội tại và giá trị hội tụ cũng được xác nhận thông qua Hệ số tin cậy tổng hợp (Composite Reliability - CR) và Phương sai trích (Average Variance Extracted - AVE). Các chỉ số CR của 6 biến tiềm ẩn dao động từ 0.872 đến 0.908 (vượt ngưỡng 0.70), trong khi AVE dao động từ 0.694 đến 0.767 (vượt tiêu chuẩn 0.50). Bên cạnh đó, giá trị tỷ số Heterotrait - Monotrait (HTMT) giữa các biến đều nhỏ hơn 0.85, khẳng định tính phân biệt (Discriminant Validity) được đảm bảo.

Cuối cùng, hiện tượng đa cộng tuyến được loại trừ hoàn toàn khi hệ số phóng đại phương sai (VIF) của tất cả các mối quan hệ đều nhỏ hơn ngưỡng quy định trong nghiên cứu (VIF < 3.3). Các hệ số xác định (R^2) cũng vượt mức 0.5, cho thấy sức mạnh giải thích của mô hình lý thuyết đối với các biến phụ thuộc.

3.2. Kiểm định mô hình cấu trúc (SEM) và giả thuyết nghiên cứu

Thuật toán Bootstrapping với 5.000 mẫu lặp lại đã được sử dụng để kiểm định ý nghĩa thống kê của các giả thuyết và tính toán các hệ số tác động (Path Coefficients - β). Bảng kết quả thống kê cho thấy 6/7 giả thuyết ban đầu đã được chấp nhận, cụ thể là:

H1 (KTCT → NTTD): Thể hiện Kiến thức chính trị có tác động thuận chiều và rất tích cực đến nhận diện thủ đoạn thù địch thể hiện ở các hệ số ($\beta = 0.441$, $t = 8.295$, $p = 0.000$). Giả thuyết H1 được chấp nhận.

H2 (KTCT → YTTN): Kiến thức chính trị có tác động trực tiếp và mang ý nghĩa thống kê đối với ý thức trách nhiệm ($\beta = 0.136$, $t = 1.966$, $p = 0.0495 < 0.05$). Giả thuyết H2 được chấp nhận.

H3 (MTGD → YTTN): Thể hiện môi trường giáo dục tác động tích cực rất lớn đến ý thức trách nhiệm của sinh viên ($\beta = 0.375$, $t = 5.703$, $p = 0.000$). Giả thuyết H3 được chấp nhận.

H4 (KNLS → NTTD): Khung năng lực số có ý nghĩa tác động lớn đến yếu tố nhận diện thủ đoạn thù địch của sinh viên ($\beta = 0.316$, $t = 5.816$, $p = 0.000$). Giả thuyết H4 được chấp nhận.

H5 (KNLS → YTTN): Mối quan hệ không mang ý nghĩa thống kê (β = 0.030, t = 0.675, p = 0.500 > H6 (NTTD → YTTN): Thể hiện nhân tố nhận diện thủ đoạn thù địch có tác động rõ rệt đến ý thức trách nhiệm của sinh viên (β = 0.345, t = 5.067, p = 0.000). Giả thuyết H6 được chấp nhận.

H7 (YTTN → HVBV): Thể hiện rõ rệt rằng nếu có ý thức trách nhiệm tốt sẽ quyết định đến hành vi bảo vệ của mỗi sinh viên (β = 0.725, t = 19.370, p = 0.000). Giả thuyết H7 hoàn toàn được chấp nhận

3.3. Một số vấn đề đặt ra

Từ các số liệu thực nghiệm, mô hình đã bóc tách rõ cơ chế tâm lý và hành vi của sinh viên trong môi trường mạng phức hợp hiện nay.

Thứ nhất, việc giả thuyết H5 bị bác bỏ mang đến một phát hiện then chốt: việc chỉ đơn thuần thành thạo kỹ thuật công nghệ (KNLS) không tự động chuyển hóa thành ý thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Tuy nhiên, năng lực kỹ thuật số đóng vai trò sống còn trong việc bẻ gãy "buồng vang thông tin" nhằm thao túng thông tin đối với sinh viên. Thông qua năng lực phân tích dữ liệu gốc và xác thực chéo (Fact - check), sinh viên mới có thể nhận diện các thủ đoạn nhào nặn tinh vi của trí tuệ nhân tạo (Deepfake), từ đó gián tiếp thúc đẩy ý thức trách nhiệm cá nhân (YTTN) thông qua việc nâng cao nhận thức thủ đoạn trên không gian mạng.

Thứ hai, khác biệt với yếu tố công nghệ, Kiến thức chính trị (KTCT) thể hiện vai trò là "trụ cột kép". Nếu hiểu và vững vàng nền tảng tư tưởng Mác - Lênin, chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước không chỉ giúp sinh viên nhận diện sắc bén các âm mưu thù địch mà còn trực tiếp củng cố ý thức đạo đức, trách nhiệm chính trị với đất nước.

Thứ ba, sự thể hiện giả thuyết ý thức bảo vệ dẫn đến hành vi bảo vệ được chấp nhận (H7) thể hiện ý thức chính trị của thanh niên một khi được bồi đắp đúng hướng thông qua hệ sinh thái giáo dục đại học sẽ trở thành động lực to lớn nhất, tạo ra sức bật mạnh mẽ chuyển hóa thành hành động phản bác trực diện, thuyết phục và có chủ đích.

3.4. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch

Dựa trên nền tảng dữ liệu thực nghiệm và bối cảnh đào tạo ở các cơ sở đào tạo đại học hiện nay, bài viết đề xuất một số giải pháp gợi mở nhằm phát huy vai trò chủ động của sinh viên như sau:

Thứ nhất, đối với giảng viên, để tối ưu hóa tác động của môi trường giáo dục (MTGD), các nhà sư phạm không nên giới hạn ở những phương pháp giảng dạy lý luận truyền thống một chiều. Giảng viên cần tích cực đưa hệ thống bài giảng (lecture slides) chuyên môn lên một tầm cao mới bằng cách ứng dụng trực tiếp công cụ Trí tuệ nhân tạo trong thiết kế trực quan. Việc hình ảnh hóa các khái niệm triết học, tư tưởng chính trị qua các định dạng đa phương tiện với thời lượng dài ngắn khác nhau có hỗ trợ của AI không chỉ giúp phá vỡ sức ỳ tâm lý, chống lại "sự lười biếng nhận thức" mà còn thu hút sinh viên tham gia phân tích sâu. Ngoài ra, trong định hướng nghiên cứu, giảng viên cần xây dựng các đề tài, tiểu luận, chuyên đề có chiều sâu lý luận, hướng sinh viên làm quen với các cấu trúc học hàn lâm, trên cơ sở khoa học thực chứng làm trung tâm cho mọi lập luận nhằm bảo vệ nền tảng tư tưởng và đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc thông tin trên không gian mạng.

Thứ hai, đối với sinh viên và người học, cần rèn luyện phương pháp luận tiếp cận thông tin chủ động. Sinh viên phải hình thành thói quen "đọc ngang" và ứng dụng các thuật toán truy vết, cào dữ liệu (data scraping) trên không gian mạng để phát hiện sự thao túng của các luồng thông tin phi cấu trúc. Chỉ khi được trang bị vững chắc tư duy nghiên cứu, sinh viên mới có đủ bằng chứng khoa học để vạch trần các thủ đoạn kỹ thuật "một nửa sự thật", qua đó biến ý thức thành các chiến dịch phản bác mạnh mẽ, thuyết phục, góp phần thiết lập không gian an toàn văn hóa số cho đất nước

Thứ ba, đối với nhà quản lý và cơ sở đào tạo: Kết quả thực nghiệm đã chứng minh môi trường giáo dục đóng vai trò là bệ phóng tâm lý then chốt, có sức ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến ý thức trách nhiệm của sinh viên. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết cho các cơ sở đào tạo đại học trong việc dịch chuyển từ mô hình quản lý hành chính truyền thống sang mô hình quản trị số học đường hiện đại. Các nhà quản lý giáo dục cần kiến tạo một hệ sinh thái

thông tin minh bạch và nhanh nhạy ngay trong khuôn viên trường học. Việc nghiên cứu, đúc rút kinh nghiệm từ các chiến lược số hóa, quản trị thông tin và xây dựng chính phủ điện tử của các quốc gia phát triển có thể mang lại những bài học quý giá để vận dụng vào công tác quản trị sinh viên. Một kiến trúc quản lý dữ liệu đồng bộ, an toàn từ cấp trường sẽ tạo ra màng lọc bảo vệ, giúp sinh viên không bị rơi vào "sự bất lực nhận thức" khi đối mặt với ma trận thông tin bên ngoài. Bên cạnh đó, các cấp quản lý và tổ chức đoàn, hội cần chủ động đầu tư, thiết lập các trung tâm thực hành không gian mạng, các phòng lab mô phỏng "buồng vang thông tin" hoặc mạng lưới kiểm chứng sự thật (Fact - check) nội bộ. Bằng việc xây dựng một môi trường thể chế vi mô vững chắc và hiện đại, cơ sở đào tạo không chỉ truyền thụ kiến thức mà còn cung cấp "vũ khí số" thực chiến, giúp sinh viên tự tin hiện thực hóa ý thức chính trị thành các hành vi đấu tranh, phản bác sắc bén trên không gian mạng quốc gia và toàn cầu.

4. Kết luận

Trong kỷ nguyên số, không gian mạng đã trở thành mặt trận tư tưởng phức tạp, nơi các thế lực thù địch lợi dụng sự phát triển của công nghệ như trí tuệ nhân tạo (AI), Deepfake và cơ chế thao túng thông tin để tiến hành các hoạt động chống phá tinh vi. Nghiên cứu này đã vận dụng Thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) kết hợp với mô hình phương trình cấu trúc (PLS - SEM) để lượng hóa và giải mã cơ chế hình thành hành vi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thế hệ sinh viên hiện nay.

Kết quả thực nghiệm khẳng định một bước chuyển dịch lớn trong nhận thức luận: "niềm tin chính trị" thuần túy cần được gắn kết chặt chẽ với "vũ khí công nghệ số". Việc làm chủ các công cụ xác thực thông tin (Fact - check) không tác động trực tiếp tạo ra ý thức trách nhiệm, nhưng lại đóng vai trò là "màng lọc kỹ thuật" sống còn giúp sinh viên nhận diện và bẻ gãy các thủ đoạn ngụy tạo thông tin thù địch. Khi kỹ năng số hòa quyện cùng nền tảng kiến thức chính trị vững vàng và một môi trường giáo dục kiến tạo, sinh viên mới thực sự bước ra khỏi trạng thái thụ động, không tự ý thức giác ngộ để hình thành ý thức trách nhiệm sâu sắc. Quan trọng nhất, chính ý thức trách nhiệm này là động lực tiên quyết chuyển hóa trực tiếp thành các hành vi đấu tranh, phản bác chủ động, mang tính khoa học, có hệ thống và thuyết phục cao trên không gian mạng.

Nghiên cứu mang lại những đóng góp ý nghĩa về mặt lý luận khi hoàn thiện mô hình các nhân tố tác động đến hành vi sinh viên, đồng thời cung cấp căn cứ thực tiễn sắc bén cho các nhà sư phạm và quản lý giáo dục. Để phát huy tối đa vai trò của lực lượng thanh niên trí thức, các cơ sở đào tạo cần đổi mới toàn diện từ phương pháp giảng dạy tích hợp AI đến việc xây dựng hệ sinh thái thực hành kiểm chứng thông tin. Việc trang bị "vật chứng số" là sở cứ làm nền tảng cho lập luận phản bác không chỉ là giải pháp kỹ thuật, mà còn là chiến lược kiến tạo văn hóa số an toàn, bảo vệ vững chắc nền tảng tư tưởng và an ninh quốc gia trong giai đoạn mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ajzen, I. (1991a). The Theory of Planned Behavior. Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50, 179–211. https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T

2. Ajzen, I. (1991b). The Theory of Planned Behavior. Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50, 179–211. https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T

3. Beaudreau, J., & Ségur, C. (2025). Introduction: Fact-checking in the Age of Information Disorder. InMedia, 10. https://doi.org/10.4000/145d3

4. Hair et al. (2016). A Primer on Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM),. Second Edition.

5. Hartmann, D., Wang, S. M., Pohlmann, L., & Berendt, B. (2025). A systematic review of echo chamber research: Comparative analysis of conceptualizations, operationalizations, and arying outcomes. Journal of Computational Social Science, 8(2), 52. https://doi.org/10.1007/s42001-025-00381-z

6. Mai Anh Thơ, Huynh Ngoc Thanh, & Ngo Anh Tuan. (2021). Digital competence framework for higher education students: Suggesting approach derived from relevant publications to vietnamese institutions. Journal of Technical Education Science, (66), 101–111. https://doi.org/10.54644/jte.66.2021.1072

7. Ngoc H.-H. T., & Quang H.-T. (n.d.). Promoting the role of communication to enhance the effectiveness of safeguarding the party's ideological foundation for students at Tan Trao university.

8. Pennycook, G., & Rand, D. G. (2021). The Psychology of Fake News. Trends in Cognitive Sciences, 25(5), 388–402. https://doi.org/10.1016/j.tics.2021.02.007

9. Thanh Hòa L. (2021). Nhận diện và phòng tránh thông tin xấu, độc trên mạng xã hội đối với học sinh, sinh viên trong giai đoạn hiện nay. Journal of Science and Technology - IUH, 48(6). https://doi.org/10.46242/jst-iuh.v48i6.1342